

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**

**Địa chỉ: Khu công nghiệp Khai Quang, TP Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
ĐT: (0211) 3720945, Fax: (0211) 3845944**



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Vĩnh Phúc, tháng 11... năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Khai Quang, TP Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
ĐT: (0211) 3720945, Fax: (0211) 3845944



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Vĩnh Phúc, tháng *M...* năm 2018

12/1/2018 09:10:10

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch tiếng việt : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC
Tên viết tắt : VPID
Tên giao dịch tiếng Anh : Vinh Phuc Infrastructure Development Joint Stock Company
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (MSDN) số: 2500222004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 16/6/2003, cấp thay đổi lần 19 ngày 04/10/2017
Vốn điều lệ: 161.725.490.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 161.725.490.000 đồng
Mã cổ phiếu : IDV

Logo : 

Địa chỉ : Khu công nghiệp Khai Quang – TP Vinh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : (0211) 3720 945 Fax: (0211) 3845 944
Email : idv@vpid.vn
Website : www.vpid.vn

❖ Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 16/06/2003: Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 9.999.000.000 đồng.
- Ngày 04/10/2017, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 161.725.490.000 đồng thông qua các đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông và phát hành ESOP cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty đã được UBCK Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng ngày 01/10/2009; được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 43/GCN-SGDHN ngày 18/5/2010 và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên cổ phiếu IDV trên sàn HNX vào ngày 01/06/2010.

❖ Các mốc sự kiện:

- Ngày 3/8/2011: thành lập Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam cụ thể như sau:
 - Vốn điều lệ ban đầu: 18,0 tỷ đồng
 - Vốn điều lệ hiện nay: 45,0 tỷ đồng
 - Mã số doanh nghiệp: 0700540547 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 3/8/2011, cấp thay đổi lần 1 ngày 20/08/2014.
 - Địa chỉ: Lô KT - KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
 - Điện thoại: 84-(351) 6 252 137 Fax: (0351) 6 252 138
 - Nhiệm vụ chính: Được Công ty mẹ giao làm chủ đầu tư KCN Châu Sơn, tỉnh Hà Nam
- Ngày 19/10/2011: thành lập Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nội cụ thể như sau:
 - Vốn điều lệ: 18,0 tỷ đồng
 - Mã số doanh nghiệp: 0105578158 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/10/2011, cấp thay đổi lần 3 ngày 24/4/2014.
 - Địa chỉ: Tầng 04 khu văn phòng sân tập Golf Phương Đông – phố Tân Mỹ - phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
 - Nhiệm vụ chính: Được Công ty mẹ giao đầu tư tài chính đối với các công ty đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, là cổ đông lớn của L18, L43, DC4;

⚡ Ngày 07/12/2017: Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nội đã hoàn thiện thủ tục giải thể và chính thức dừng hoạt động.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp (KCN) và các dịch vụ trong KCN (xử lý nước thải,...)

- Địa bàn kinh doanh chính:

+ KCN Khai Quang - Thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ KCN Châu Sơn - Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Mô hình quản trị:

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vinh Phúc (VPID) được vận hành theo mô hình quản trị công ty mẹ - con, bao gồm công ty mẹ và 01 công ty trực thuộc là:

- Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam (HVPID), 100% vốn chủ sở hữu của công ty mẹ

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các dự án KCN mà Công ty làm chủ đầu tư và các dự án Công ty góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đại hội đồng cổ đông: tại thời điểm ngày ĐKCC (12/06/2018) chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức tạm ứng bằng tiền lần 1 năm 2018 là 431 cổ đông;

- Hội đồng Quản trị: Gồm 05 thành viên (04 thành viên không tham gia ban điều hành, 01 thành viên kiêm nhiệm);

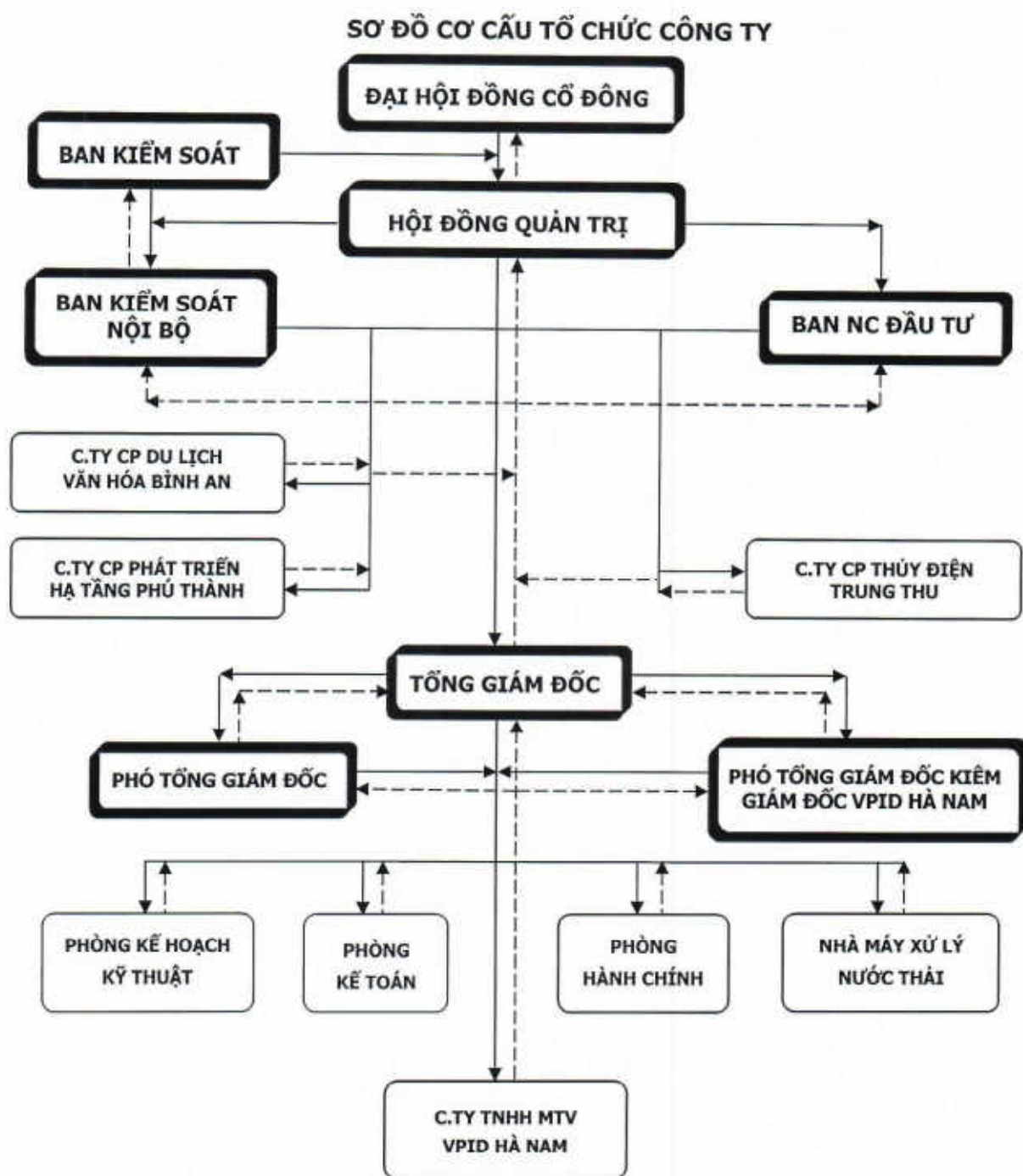
- Ban Kiểm soát: Gồm 3 thành viên

- Tiểu Ban nghiên cứu đầu tư - trực thuộc HĐQT hiện nay: Gồm 02 thành viên

- Tiểu Ban Kiểm soát nội bộ - trực thuộc HĐQT hiện nay: Gồm 03 thành viên

- Ban Tổng Giám đốc: Gồm 04 thành viên

- Các công ty trực thuộc; Các phòng ban.



❖ Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ dự án	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn đăng ký (tỉ VNĐ)	Số tiền VPID đã góp	Tỷ lệ tham gia (%)
I	Các đơn vị trực thuộc (công ty con):			45	45	
1	Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam	Phủ Lý, Hà Nam	Kinh doanh BĐS (Đầu tư XD và KD hạ tầng khu, cụm CN, xây dựng nhà xưởng cho thuê); Thoát nước và xử lý nước thải; Thu gom xử lý chất thải rắn.	45	45	100
II	Các công ty liên doanh, liên kết:			324	50,6	

1	Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Phú Thành	Lạc Thủy, Hoà Bình	Kinh doanh Bất động BĐS sinh thái); Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Dịch vụ lưu trú và dịch vụ ăn uống; Cho thuê đất, bãi đỗ xe...	68	15	23,6
2	Công ty cổ phần Du lịch – Văn hóa Bình An	Hà Nội	Đại lý du lịch – dịch vụ	4	0,88	22
3	Công ty cổ phần thủy điện Trung Thu	Điện Biên	Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thủy điện; Sản xuất và kinh doanh điện năng...	252	34,72	13,78
Cộng (I + II)				369	95,6	

4. Định hướng phát triển:

❖ Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện phần còn lại của hệ thống hạ tầng KCN Khai Quang và KCN Châu Sơn, cung cấp dịch vụ hạ tầng KCN ở mức tốt nhất cho các doanh nghiệp tại các KCN do Công ty làm chủ đầu tư, tạo uy tín để thu hút đầu tư tăng tỉ lệ lấp đầy tại KCN Khai Quang, Châu Sơn và dự án mới trong tương lai;
- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên, tăng lợi tức cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư mở rộng và phát triển các dự án mới (ưu tiên lĩnh vực kinh doanh lõi) đạt hiệu quả ổn định để phát triển theo xu hướng bền vững.
- Phát triển hoạt động kinh doanh tại công ty mẹ và các công ty thành viên: Triển khai xây dựng hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng khu công nghiệp, tiến tới hoàn thiện chuỗi liên kết cung cấp dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp, nước thải nguy hại, tái chế phế thải, xử lý chất thải rắn công nghiệp, nguy hại.
- Sàng lọc lại các dự án Công ty đã góp vốn đầu tư để việc đầu tư, sử dụng nguồn vốn hợp lý đạt hiệu quả cao nhất.

❖ Mục tiêu phát triển bền vững:

- Công ty luôn quan tâm và có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Tại các khu công nghiệp mà Công ty làm chủ đầu tư, việc xây dựng và kinh doanh hệ thống hạ tầng phục vụ các doanh nghiệp sản xuất đã gắn chặt với công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là việc xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường, hệ thống cây xanh phong phú, khống chế tốt khí bụi, tiếng ồn, tiến tới xử lý nguồn rác thải công nghiệp, nguy hại cho các doanh nghiệp sản xuất trong KCN.
- Luôn hướng tới việc thu hút các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực ít gây ô nhiễm môi trường.
- Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh kết hợp với trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng bằng những đợt tham gia vận động hỗ trợ các tổ chức từ thiện ở địa phương.

5. Các rủi ro:

Hiện nay Công ty đã đầu tư vào các dự án bất động sản (BDS): BDS công nghiệp, BDS du lịch sinh thái và kinh doanh cổ phiếu, nên các yếu tố rủi ro có thể xảy ra là:

- Lĩnh vực kinh doanh BĐS công nghiệp: Hiệu quả ổn định, mức độ rủi ro phụ thuộc vào chính sách ưu đãi đầu tư vào các KCN của Nhà nước;
- Lĩnh vực kinh doanh BĐS sinh thái: Rủi do vẫn tiềm ẩn do thị trường BĐS này đang gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết hàng tồn kho;
- Lĩnh vực kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu: Mức độ rủi ro lớn do thị trường còn thiếu minh bạch.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2018

Các chỉ tiêu chính về doanh thu, lợi nhuận, chi trả cổ tức cho các cổ đông năm 2018, cụ thể:

STT	Chi tiêu	Năm 2017 (VNĐ)	Kế hoạch 2018 (VNĐ)	Thực hiện 2018 (VNĐ)	Tỉ lệ hoàn thành kế hoạch 2018 (%)
1	Tổng tài sản	725.155.663.747	810.000.000.000	758.871.363.169	94%
2	Doanh thu đã phân bổ (DT thuần + DT tài chính + thu nhập khác)	134.720.088.670	122.000.000.000	111.203.004.874	91%
3	Lợi nhuận sau thuế	82.294.832.098	65.000.000.000	68.707.770.706	106%
4	Chi trả cổ tức (%)	60	35	10	29%
	Bằng tiền	20	20	10	50%
	Bằng cổ phiếu	40	15	0	0%
5	Cổ phiếu ESOP	0	0	0	

Ghi chú: Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 với tỷ lệ 10% vào tháng 06/2018. Thủ tục tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 2 với tỷ lệ 10%, tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% đang trong quá trình thực hiện.

2. Tổ chức và nhân sự

↓ *Danh sách Ban điều hành:*

- 1/ Ông Lê Tùng Sơn – Tổng Giám đốc
- 2/ Ông Cao Đình Thi – Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 30/09/2018)
- 3/ Ông Nguyễn Anh Đệ – Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/10/2018)
- 4/ Ông Phạm Trung Kiên – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc VPID Hà Nam
- 5/ Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kế toán trưởng

↓ *Những thay đổi trong Ban điều hành:*

Trong năm tài chính 2018, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Đệ vào vị trí Phó Tổng Giám đốc thay cho ông Cao Đình Thi từ ngày 01/10/2018. Hiện tại, Ban điều hành Công ty gồm có 04 thành viên.

Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT (là cổ đông sáng lập), 01 phó Tổng Giám đốc thường trực, 01 phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam (là công ty con) và Kế toán trưởng. Thành viên Ban điều hành đều là cổ đông công ty.

↓ *Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng: Chi tiết tại Phụ lục 1.*

↓ *Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của TV Ban điều hành, Kế toán trưởng:*

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD lập cho ngày đăng ký cuối cùng 12/06/2018 (số liệu năm 2017 được lập tại ngày đăng ký cuối cùng 27/12/2017), tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên BDH, Kế toán trưởng như sau:

TT	Thành viên BĐH	Chức vụ	Năm 2017		Năm 2018		% Thay đổi
			SL CP	Tỷ lệ, %	SL CP	Tỷ lệ, %	
1	Lê Tùng Sơn	TGD	521.690	3,24%	521.690	3,52%	0,28%
2	Cao Đình Thi	P.TGD (đã miễn nhiệm)	30.189	0,19%	30.189	0,20%	0.01%
3	Nguyễn Anh Đệ	P.TGD (bổ nhiệm mới)	0	0,00%	0	0,00%	0,00%
4	Phạm Trung Kiên	P.TGD	33.537	0,21%	33.537	0,23%	0,02%
5	Nguyễn Thị Hoàn	KTT	9.595	0,06%	4.695	0,03%	-0,03%
Tổng			564.822	3,50%	559.922	3,78%	

⚡ Số lượng cán bộ, nhân viên toàn công ty (công ty mẹ, các công ty con):

Trình độ	Số lượng (người)		Tổng	Tỷ lệ (%)
	VPID	VPID Hà Nam		
Trên Đại Học	0	0	0	0%
Đại Học, Cao đẳng	18	10	28	40%
Trung Cấp	0	1	1	1%
Công Nhân Kỹ Thuật & lao động khác	34	7	41	59%
TỔNG CỘNG	52	18	70	100%
Thu nhập bình quân 2018	9,8 triệu đồng/người/tháng			

⚡ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ chính sách cho người lao động theo Hợp đồng lao động và các quy định của Nhà nước;
- Cải thiện môi trường và điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần, xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp của công ty, tạo động lực tốt cho người lao động làm việc tích cực, ổn định, gắn bó vì sự phát triển của công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2018, VPID tiếp tục tập trung đầu tư tại 2 KCN Khai Quang và Châu Sơn, đồng thời tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án mới phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty tại các địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, Hà Nam,...
- Tại KCN Khai Quang: Công ty tập trung công tác duy trì hoạt động KCN, tiếp tục cho thuê cho thuê các diện tích đất công nghiệp còn lại; Tăng cường kiểm soát chất lượng nước thải các doanh nghiệp, đầu tư thiết bị tại nhà máy XLNT theo quy định của pháp luật.
- KCN Châu Sơn: Công ty tiếp tục hoàn thiện xây dựng hạ tầng, đẩy mạnh công tác cho thuê đất. Thực hiện thủ tục mở rộng diện tích KCN tạo nguồn đất sạch cho thuê.
- Trong năm 2018, Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP đầu tư Sơn Long.
- Tính đến 30/09/2018 Công ty đã đầu tư mua cổ phần của 03 công ty (chi tiết về số vốn đã góp và tỷ lệ góp xem bảng liệt kê các công ty liên doanh, liên kết)

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

a/ Công ty con:

❖ **Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam:** Là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Tình hình hoạt động triển khai dự án: Dự án đã cơ bản kết thúc giai đoạn xây dựng hạ tầng kỹ thuật, bắt đầu đưa vào khai thác vận hành phục vụ các doanh nghiệp kết hợp cho thuê lại đất phần diện tích đất còn lại của khu công nghiệp.

- Địa điểm đầu tư dự án: Phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Quy mô diện tích dự án: theo quy hoạch điều chỉnh đã được phê duyệt 171,6 ha
 - + Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam quản lý 56,27 ha (trong đó có 37,25 ha đất công nghiệp).
 - + VPID Hà Nam quản lý 115,33 ha (trong đó có 84,48 ha đất công nghiệp). Đến bù GPMB lũy kể đến thời điểm hiện tại đạt 115,329/115,333 ha. Diện tích mở rộng 59,53 ha đang làm các thủ tục pháp lý, đã được CP chấp nhận chủ trương.
- Thu hút đầu tư: Trong năm 2018, VPID Hà Nam đã ký hợp đồng với 05 công ty (FDI: 02, trong nước: 03), tổng diện tích đất cho thuê lại: 7,0 ha

⇓ Tình hình tài chính của VPID Hà Nam năm 2017 so với 2018:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng giảm (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.456.677.524	32.463.457.283	-36%
Giá vốn hàng bán	11.041.620.866	8.158.337.238	-26%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.415.056.658	24.305.120.045	-38%
Doanh thu hoạt động tài chính	7.330.472.247	7.643.622.647	4%
Chi phí tài chính	45.733.333	2.794.521	-94%
Chi phí bán hàng	194.857.125	1.172.765.474	502%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.754.151.417	2.831.899.997	3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	43.750.787.030	27.941.282.700	-36%
Thu nhập khác	69.136.363	256.661.896	271%
Chi phí khác	116.839.397	137.957.497	18%
Lợi nhuận khác	-47.703.034	118.704.399	349%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.703.083.996	28.059.987.099	-36%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.418.131.830	2.567.538.436	-25%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40.284.952.166	25.492.448.663	-37%
Tổng tài sản	249.707.243.736	260.060.999.816	4%
Trong đó: Tài sản ngắn hạn	156.717.042.569	162.232.079.097	4%
Tài sản dài hạn	92.990.201.167	97.828.920.719	5%
Tổng nguồn vốn	249.707.243.736	260.060.999.816	4%
Trong đó: Nợ ngắn hạn	20.739.319.970	17.452.342.574	-16%
Nợ dài hạn	167.227.783.613	183.052.683.660	9%
Vốn chủ sở hữu	61.740.140.153	59.555.973.582	-4%

Nguồn: BCKT năm 2018 VPID Hà Nam

❖ Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nội

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan, ngày 07/12/2017 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội đã ra thông báo giải thể doanh nghiệp.

b/ Các công ty liên kết:

❖ Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Phú Thành

Tình hình hoạt động:

- Hiện Công ty Phú Thành vẫn đang trong giai đoạn đầu tư nên các công việc chủ yếu triển khai thủ tục về đất, điều chỉnh quy hoạch.
- Công ty đã ra hạn dự án thêm 02 năm và tiến hành điều chỉnh quy hoạch giảm diện tích đất xây dựng nhà ở sang diện tích đất nông nghiệp công nghệ cao do thị trường đất ở tại khu vực còn chậm thanh khoản.

⬇️ Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Tại 30/09/2017	Ghi chú
I	TỔNG TÀI SẢN	87.475.645.894	
1	Tài sản ngắn hạn	21.411.676.742	
2	Tài sản dài hạn	66.063.969.152	
II	TỔNG NGUỒN VỐN	87.475.645.894	
1	Nợ ngắn hạn	24.332.683.158	
2	Nợ dài hạn	63.142.962.736	
3	Vốn chủ sở hữu	68.000.000.000	
III	KQ ĐẦU TƯ KINH DOANH		
1	Doanh thu thuần	573.589.226	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	101.100	
3	Tổng chi phí (Giá vốn hàng bán, CP QLDN, CP tài chính)	862.751.371	
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (LN thuần)	-289.061.047	
5	Lợi nhuận trước thuế		

Nguồn: BCTC tại 30/09/2018 của Công ty CP phát triển hạ tầng Phú Thành

❖ **Công ty cổ phần du lịch – văn hóa Bình An**

Tình hình hoạt động: Đang trong giai đoạn đầu tư chưa có doanh thu.

❖ **Công ty cổ phần Thủy điện Trung Thu**

Tình hình hoạt động: Đã hoàn thành các thủ tục về đất đai, trong năm đã hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành phát điện.

⬇️ Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Tại 30/9/2018	Ghi chú
I	TỔNG TÀI SẢN	841.823.692.126	
1	Tài sản ngắn hạn	70.514.252.876	
2	Tài sản dài hạn	771.309.439.250	
II	TỔNG NGUỒN VỐN	841.823.692.126	
1	Nợ ngắn hạn	42.468.305.239	
2	Nợ dài hạn	493.768.000.000	
3	Vốn chủ sở hữu	305.587.386.887	
III	KQ ĐẦU TƯ KINH DOANH		
1	Doanh thu thuần	119.442.399.213	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	969.536.989	
3	Tổng chi phí (Giá vốn hàng bán, CP tài chính, CP QLDN)	81.737.339.735	
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (LN thuần)	38.674.596.467	
5	Lợi nhuận khác		
6	Lợi nhuận trước thuế	38.674.596.467	
7	Lợi nhuận sau thuế (LN ròng)	38.674.596.467	

Nguồn: BCTC tại 30/9/2018 của Công ty cổ phần thủy điện Trung Thu

4. Tình hình tài chính của Công ty:

4.1. Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2017 (đ)	Thực hiện Năm 2018 (đ)	Tăng, giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	725.155.663.747	758.871.363.169	4,65%
2	Vốn chủ sở hữu	200.061.944.915	222.177.353.493	11,05%
3	Doanh thu thuần	134.720.098.670	111.203.004.874	-17,46%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	91.530.858.532	76.646.048.031	-16,26%
5	Lợi nhuận khác	-848.301.699	550.159.656	164,85%
6	Lợi nhuận trước thuế	90.682.556.833	77.196.207.687	-14,87%
7	Lợi nhuận sau thuế (LN ròng)	82.294.832.098	68.707.770.706	-16,51%
8	Mức lợi nhuận phân phối cho cổ đông, VND; trong đó:	60	10	-83,33%
	- Chi trả cổ tức bằng tiền %	20	10	-50%
	- Bằng cổ phiếu (phát hành trả cổ tức)%	40	0	-100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán của VPID

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng, giảm (%)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn):	9,24	10,45	13%
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn)	8,07	9,45	17%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,72	0,71	-2,3%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,62	2,42	-8,0%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	0,49	0,45	-8,2%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,15	0,10	-35,4%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,75	0,92	23,4%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,41	0,31	-24,8%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11	0,09	-20,2%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,83	1,03	23,8%

4.3. Các chỉ tiêu cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng giảm
Cơ cấu tài sản:			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	0,64	0,66	3,1%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	0,36	0,34	-5,7%
Tỷ số nợ / Tổng tài sản	0,72	0,71	-2,3%

Cơ cấu nguồn vốn:			
Tỷ số nợ / Vốn chủ sở hữu	2,62	2,42	-8,0%
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0,72	0,71	-2,3%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	0,28	0,29	6,1%
Tỷ suất lợi nhuận:			
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	0,11	0,09	-20,2%
Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	0,41	0,31	-24,8%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,75	0,92	23,4%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Tính đến ngày 30/09/2018, vốn điều lệ của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ:	161.725.490.000 VNĐ
- Khối lượng cổ phiếu đã niêm yết:	16.172.549 Cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ:	1.647.201 Cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành:	14.525.348 Cổ phiếu

Trong đó: Có 14.525.348 cổ phiếu được tự do chuyển nhượng và 1.647.201 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

- Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD lập cho ngày đăng ký cuối cùng 12/06/2018 thì cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

TT	Diễn giải	Năm 2017		Năm 2018	
		Số cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ CP	Số cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ CP
1	Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:	499	100%	431	100%
	Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số CPPT	4	39,96%	4	42,57%
	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% tổng số CPPT	13	30,87%	14	30,57%
	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP	483	29,17%	413	26,86%
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:	499	100%	431	100%
	Tổ chức (trong nước, nước ngoài)	20	14,60%	19	11,19%
	Cá nhân (trong nước, nước ngoài)	479	85,40%	412	88,81%
3	Cổ đông trong nước và nước ngoài:	499	100%	431	100%
	Cổ đông trong nước (tổ chức, cá nhân)	479	92,29%	407	87,68%
	Cổ đông nước ngoài (tổ chức, cá nhân)	20	7,71%	24	12,32%
4	Cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:	499	100%	431	100%
	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0
	Cổ đông khác (Không phải CĐ nhà nước)	499	100%	431	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Trong năm Công ty đã thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán từ Công ty con (Công ty TNHH VPID Hà Nội) về Công ty mẹ do giải thể doanh nghiệp và 01 lần mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ

Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Ngày thực hiện giao dịch
Chuyển quyền sở hữu chứng khoán từ Công ty con (Công ty TNHH VPID Hà Nội) về Công ty mẹ do giải thể doanh nghiệp	46.982	1.300.219	1.347.201	07/03/2018
Mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ	1.347.201	300.000	1.647.201	08/08/2018

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng của tổ chức trong năm: Không có
- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tại KCN Khai Quang và KCN Châu Sơn nhà đầu tư mua điện từ EVN, công ty không quản lý trực tiếp.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

+ Đối với trách nhiệm là chủ đầu tư, Công ty đã chú trọng xây dựng theo hướng thân thiện và bền vững, sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như: bóng đèn led tiết kiệm điện, hệ thống bình nước nóng năng lượng mặt trời. Đối với khối văn phòng: Hạn chế sử dụng điện và các thiết bị điện trong giờ cao điểm, sử dụng thiết bị ít tiêu tốn năng lượng, tắt các thiết bị khi không sử dụng.

+ Đối với việc tiết kiệm năng lượng tiêu hao của các nhà đầu tư trong KCN thì tùy thuộc vào đặc điểm quy trình sản xuất và kế hoạch sử dụng năng lượng của từng nhà đầu tư, công ty không kiểm soát được.

6.3. Tiêu thụ nước:

- Các KCN của Công ty đều sử dụng nước sạch do công ty nước cung cấp. Toàn bộ nguồn nước đã qua sử dụng được thải vào hệ thống nước thải tập trung của KCN. KCN không sử dụng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Các KCN của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổng số người lao động trong Công ty là 70 người, mức lương trung bình là 9,8 triệu đồng/người/tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm cho cán bộ nhân viên (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp khó khăn,...), chăm lo sức khỏe cho người lao động (khám sức khỏe định kỳ, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động,...). Các chế độ khen thưởng luôn kịp thời tùy thuộc vào tình hình tài chính công ty. Thưởng các ngày lễ lớn như: Tết Nguyên đán, Tết dương lịch, thưởng 2/9, 1/5. Ngoài ra hàng năm đều tổ chức các đợt du lịch cho người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ, hỗ trợ, từ thiện tại các địa phương Công ty đang hoạt động

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

- Chờ UBCKNN hướng dẫn.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

1.1. Kết quả thực hiện so với kế hoạch ĐHCĐ năm 2018:

a/ Ưu điểm:

- Về công tác quản lý điều hành Công ty: Năm 2018, Ban điều hành đã xây dựng bổ sung và dần hoàn thiện quy trình hoạt động cho các bộ phận của Công ty, cải tiến và tăng cường công tác quản lý điều hành từ cấp phòng, ban đến các đội, tổ.

- Về công tác phối hợp với các bộ phận trong công ty: Ban Kiểm Soát – Hội Đồng Quản Trị - Ban Tổng Giám Đốc hoạt động thường xuyên và gắn kết hơn: Điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành; Chỉ đạo sát sao, kịp thời hoạt động kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục duy trì giao ban một lần/tháng để đánh giá công việc đã thực hiện trong tháng, kế hoạch thực hiện tháng tiếp theo nhằm thực hiện tốt nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ.

- Tại KCN Khai Quang: Vận hành tốt hệ thống hạ tầng phục vụ doanh nghiệp, giám sát công tác bảo vệ môi trường trong KCN, tiếp tục cho thuê những diện tích đất đã được giao.

- Tại KCN Châu Sơn: Đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục xin mở rộng cho KCN Châu Sơn, đầu tư hoàn thiện hạ tầng đối với những phần diện tích đã được giao, tích cực trong công tác cho thuê đất và chưa hoàn thành kế hoạch cho thuê đất do ĐHCĐ năm 2018 đề ra.

b/ Nhược điểm:

- Kết quả kinh doanh: Chỉ tiêu lợi nhuận hoàn thành và vượt kế hoạch 6% và đạt mức 106%, tuy nhiên các chỉ tiêu tổng tài sản và doanh thu đều không hoàn thành chỉ đạt mức 94% và 91% so với kế hoạch.

- Việc theo dõi, giám sát và quản lý vốn góp tại các công ty liên doanh liên kết chưa được sâu sát và chặt chẽ;

- Chưa triển khai được dự án xây dựng module 3 của nhà máy XLNT – KCN Khai Quang;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận tuy đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu trong tương lai;

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được.

- Sau 15 năm thành lập và hoạt động (2003 -2018) công tác quản trị, điều hành công ty đã được cải tiến, tạo được thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp.

- Chi trả cổ tức hàng năm cho các cổ đông đạt 18% - 20%/năm.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng hợp tài sản, nguồn vốn từ đầu năm đến cuối kỳ kế toán (01/10/2017 đến 30/09/2018)

TT	Chi tiêu	Tại 01/10/2017	Tại 30/09/2018	Tăng, giảm (%)
A	TÀI SẢN			
I	Tài sản ngắn hạn	467.456.695.812	504.436.708.717	7,91%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	18.380.745.461	46.512.666.741	153,05%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	371.220.032.436	380.897.013.258	2,61%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	18.590.401.352	28.325.849.096	52,37%

4	Hàng tồn kho	59.080.614.753	48.383.843.792	-18,11%
5	Tài sản ngắn hạn khác	184.901.810	317.335.830	71,62%
II	Tài sản dài hạn	257.698.967.935	254.434.654.452	-1,27%
1	Các khoản phải thu dài hạn	57.746.279.310	68.742.061.811	19,04%
2	Tài sản cố định	54.778.205.179	51.562.829.404	-5,87%
3	Bất động sản đầu tư	27.421.684.353	19.096.938.691	-30,36%
4	Tài sản dở dang dài hạn	10.541.725.177	4.444.869.950	-57,84%
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	66.423.881.338	59.454.920.281	-10,49%
6	Tài sản dài hạn khác	40.787.192.578	51.133.034.315	25,37%
	Tổng tài sản (I + II)	725.155.663.747	758.871.363.169	4,65%
B	NGUỒN VỐN			
I	Nợ ngắn hạn	50.576.838.132	48.281.430.368	-4,54%
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16.333.669.236	17.593.064.403	7,71%
II	Nợ dài hạn	474.516.880.700	488.412.579.308	2,93%
1	Phải trả dài hạn khác	0	0	0,00%
2	Vay và nợ dài hạn	0	0	0,00%
3	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	474.516.880.700	488.351.503.709	2,92%
III	Vốn chủ sở hữu	200.061.944.915	222.177.353.493	11,05%
	Tổng nguồn vốn (I+II+III)	725.155.663.747	758.871.363.169	4,65%

Nguồn: BCKT hợp nhất năm 2018 VPID

2.2 Tình hình nợ phải trả

- Không có.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Điều chỉnh và ban hành Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ phù hợp với các quy định mới của pháp luật.

- Ban Tổng Giám đốc duy trì họp giao ban toàn thể công ty (công ty mẹ với các công ty con) một lần/tháng, để tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện trong tháng và đưa ra các biện pháp khắc phục tồn tại (nếu có) và lập kế hoạch thực hiện cho tháng tiếp theo. Ngoài ra, hàng tuần công ty mẹ và công ty con đều họp giao ban tuần và gửi báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tuần kế trước và kế hoạch thực hiện tuần tiếp theo cho HĐQT nắm được tình hình hoạt động của toàn thể công ty;

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Định hướng năm 2019:

❖ KCN Khai Quang:

- Tiếp tục thực hiện công việc đền bù GPMB nhằm có quỹ đất sạch cho thuê, tạo nguồn doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

- Hoàn thiện thủ tục xin cấp giấy phép xả thải và thủ tục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho module 3 nhà máy XLNT.

- Đầu tư xây dựng công trình module 3 nhà máy XLNT; hồ sự cố 18.000 m³; hệ thống mương thoát nước hồ sự cố và hồ điều hòa; cải tạo nâng cấp và chỉnh trang nhà máy XLNT; thi công mương nước mưa khu núi Mạ; thi công đường thu gom nước thải tuyến T8, QH.

❖ KCN Châu Sơn:

- Hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý cho diện tích mở rộng, sau điều chỉnh quy hoạch. Đầu tư hoàn thiện hạ tầng phần diện tích cũ và đầu tư hạ tầng phần diện tích mở rộng.

❖ Công tác thu hút đầu tư:

- Tập trung thu hút đầu tư, ưu tiên các nhà đầu tư Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan theo chiến lược của tỉnh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ưu tiên các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ (điện, điện tử, cơ khí chính xác,...).

- Chỉ tiêu cho thuê đất đặt ra năm 2019 đối với KCN Khai Quang: 1 ha ; KCN Châu Sơn từ 8-10 ha.

4.2. Kế hoạch tài chính năm 2019:

4.2.1. Kế hoạch các chỉ tiêu chính, hoạt động kinh doanh năm 2019 hợp nhất

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị	Năm 2018	Kế hoạch 2019	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	758.871.363.169	860.000.000.000	13,3%
2	Doanh thu đã phân bổ (DT thuần + DT tài chính + thu nhập khác)	đồng	111.203.004.874	116.000.000.000	4,3%
3	Lợi nhuận sau thuế (LN ròng)	đồng	68.707.770.706	70.000.000.000	1,9%
4	Mức chi trả cổ tức cho các cổ đông:	%	35	30	-14,2%
	- Bằng tiền	%	20	30	50%
	- Bằng cổ phiếu	%	15	0	-100%

4.2.2. Kế hoạch phân bổ các quỹ đối với lợi nhuận sau thuế 2019:

STT	Diễn giải phân bổ	Tỷ lệ phân bổ %
1	Quỹ đầu tư phát triển	5
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5
3	Quỹ khen thưởng BĐH	5
4	Quỹ chi trả cổ tức	85

4.2.3. Kế hoạch chi trả cổ tức 2019:

- Chi trả cổ tức: Trả cổ tức bằng tiền 30%

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động đầu tư, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong lĩnh vực đầu tư và phát triển KCN.

b/ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Người lao động làm việc tại Công ty được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ. Công ty cũng đã 02 lần phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ nhân viên nhằm hỗ trợ người lao động có thêm động lực làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

c/ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động quyên góp, ủng hộ các quỹ cũng như các chương trình từ thiện do Tỉnh Vĩnh Phúc, Tỉnh Hà Nam phát động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2018, Chính phủ đã có nhiều giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn để duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên khó khăn đối với các doanh nghiệp còn nhiều, đặc biệt về vốn hoạt động kinh doanh, đầu ra cho sản phẩm còn bấp bênh, chi phí sản xuất ngày càng tăng, rào cản của thủ tục hành chính còn rất nặng nề. Đối với Công ty, với những lợi thế về kinh nghiệm thực tiễn đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và tiềm lực tài chính đã

giúp Công ty vượt qua mọi khó khăn, cố gắng thực hiện kết quả về lợi nhuận theo kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đề ra.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Nhìn lại năm tài chính 2018, mặc dù các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng, cho thuê đất. Tuy nhiên Ban giám đốc đã có nhiều cố gắng, với những kinh nghiệm thực tiễn, với lợi thế về tiềm lực tài chính đã giúp công ty trải qua một năm hoạt động kinh doanh không ít khó khăn nhưng đã cố gắng thực hiện kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông 2018 đề ra, cụ thể:

+ Doanh thu đã phân bổ (DT thuần+DT tài chính+thu nhập khác)	: 111,2 tỉ đồng, giảm 14,46% so với 2017
+ Lợi nhuận sau thuế	: 68,7 tỉ đồng, giảm 14,99% so với 2017
+ Tổng giá trị tài sản	: 758,9 tỉ đồng, tăng 7,71% so với 2017
+ Vốn chủ sở hữu	: 222,2 tỉ đồng, tăng 11,05% so với 2017
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	: 35%, giảm 41,67% so với 2017

Ghi chú: Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 với tỷ lệ 10% vào tháng 06/2018 và hiện nay đang thực hiện thủ tục tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 2 với tỷ lệ 10%, tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018 và đánh giá tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2019 và những năm tiếp theo xác định vẫn còn nhiều khó khăn. Đối với Công ty, VPID đang có lợi thế rất lớn: Bộ máy quản trị, điều hành ổn định, dày dặn kinh nghiệm, nguồn vốn tiền mặt dự trữ ngày một tăng, dòng tiền thu ổn định. HĐQT định hướng mở rộng phát triển các dự án mới trong năm 2019 và những năm tới, cụ thể:

- + Duy trì thành quả đã đạt được, phát huy năng lực nội tại, nắm bắt cơ hội đầu tư mở rộng đa lĩnh vực (ưu tiên lĩnh vực kinh doanh lõi) đạt hiệu quả ổn định để phát triển theo xu hướng bền vững.
- + Duy trì hoạt động kinh doanh tại công ty mẹ và các công ty thành viên, đẩy mạnh thu hút đầu tư vào KCN Châu Sơn.
- + Tiếp tục theo dõi thông tin về dự án KCN Bá Thiện, tham gia đấu giá dự án nếu Tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức đấu giá lại hoặc xin làm chủ đầu tư trực tiếp của dự án.
- + Nghiên cứu các dự án tiềm năng trong tỉnh Vĩnh Phúc, các tỉnh khác như Phú Thọ, Thanh Hoá.
- + Tiếp tục cải tiến nâng tầm bộ máy quản trị, điều hành đặc biệt về quản trị nhân lực, tiếp tục nghiên cứu cải thiện chế độ tiền lương phù hợp với tình hình chung của nền kinh tế.
- + Điều chỉnh phân bổ cơ cấu nguồn lực hiện có hợp lý hơn;
- + Đảm bảo nguồn để chi trả cổ tức cho các cổ đông đều đặn trong những năm tiếp theo.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty gồm 05 người có nhiệm kỳ 5 năm từ 2014 – 2018, gồm các thành viên sau:

1. Ông Trịnh Việt Dũng – Chủ tịch HĐQT
1. Ông Hoàng Đình Thắng – Phó Chủ tịch HĐQT
2. Ông Phạm Hữu Ái – Thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát nội bộ
3. Ông Lê Tùng Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4. Ông Phùng Văn Quý – Thành viên HĐQT, Trưởng Ban nghiên cứu đầu tư

↕ Cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Trong 05 TV HĐQT có 4/5 thành viên HĐQT không tham gia Ban điều hành, 1/5 thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành là Tổng Giám đốc.

Trong 05 TV HĐQT có 4/5 thành viên HĐQT là cổ đông sáng lập

↕ Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT: xem Phụ lục 1

↕ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên HĐQT:

- Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD lập cho ngày đăng ký cuối cùng 12/06/2018 (số liệu năm 2017 được lập tại ngày đăng ký cuối cùng 27/12/2017), tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên HĐQT như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Năm 2017		Năm 2018		% Thay đổi
			SL CP	Tỷ lệ, %	SL CP	Tỷ lệ, %	
1	Trịnh Việt Dũng	CT HĐQT	2.145.999	13,31%	2.145.999	14,48%	1,17%
2	Hoàng Đình Thắng	Phó CT HĐQT	1.899.076	11,78%	1.899.076	12,81%	1,03%
3	Phạm Hữu Ái	TV HĐQT	593.126	3,68%	593.126	4,00%	0,32%
4	Lê Tùng Sơn	TV HĐQT	521.690	3,24%	521.690	3,52%	0,28%
5	Phùng Văn Quý	TV HĐQT	474.368	2,94%	474.368	3,20%	0,26%
	Tổng		5.634.259	34,94%	5.634.259	38,01%	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- HĐQT hiện có hai tiểu ban trực thuộc là Ban nghiên cứu đầu tư và Ban kiểm soát nội bộ, 02 tiểu ban này có cơ cấu thành viên như sau:

TT	Tên tiểu ban	Trưởng tiểu ban	Thành viên
1	Tiểu Ban nghiên cứu đầu tư	Ông Phùng Văn Quý	Ông Trịnh Việt Dũng
2	Tiểu Ban kiểm soát nội bộ	Ông Phạm Hữu Ái	Ông Lê Tùng Sơn Bà Nguyễn Ngọc Lan

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2018 đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- HĐQT đã duy trì tổ chức họp thường kỳ hàng quý và các cuộc họp bất thường. Các cuộc họp HĐQT thường kỳ hàng quý và một số phiên họp bất thường đều có sự tham dự của trưởng Ban kiểm soát với tư cách quan sát viên.

- HĐQT đã tham gia các buổi họp giao ban của Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) hàng tháng để nắm bắt tình hình công việc đã thực hiện tháng trước và định hướng các công việc cho Ban TGD thực hiện tháng tiếp theo.

- HĐQT cũng giám sát các công việc triển khai của Ban TGD hàng tuần thông qua các báo cáo nhanh hàng tuần gửi cho các TV HĐQT để có ý kiến đóng góp cho kế hoạch thực hiện (nếu thấy cần thiết).

- Ngoài ra, HĐQT cũng sát sao chỉ đạo, kiểm tra giám sát Ban điều hành tuân thủ các quy định của pháp luật, tổ chức công bố thông tin thường kỳ và bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

- Trong năm 2018, HĐQT đã họp 12 phiên với các nội dung cụ thể như sau:

Phiên họp	Ngày họp	Số thành viên tham dự	Nội dung thông qua
54	27/11/2017	- HĐQT 5/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Báo cáo Tổng kết hoạt động kinh doanh năm tài chính 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017); Kế hoạch triển khai năm tài chính 2018 từ 01/10/2017 đến 30/9/2018.
55	18/12/2017	- HĐQT 5/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018 và phê chuẩn tài liệu, nhân sự phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2018

56	16/01/2018	- HĐQT 5/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Kiểm tra lại công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCD thường niên 2018 Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2018
57	02/02/2018	- HĐQT 5/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Mức thù lao HĐQT, các tiểu ban trực thuộc HĐQT, Ban kiểm soát năm tài chính 2018
58	19/03/2018	- HĐQT 5/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Lựa chọn đơn vị Kiểm toán năm tài chính 2018 Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty (sửa đổi, bổ sung) và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Giới thiệu, đề cử nhân sự tham gia Ban kiểm soát L18 Thảo luận bán mã cổ phiếu L43, DC4
59	07/05/2018	- HĐQT 4/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Thảo luận kết quả SXKD 06 tháng năm tài chính 2018 đã được Công ty kiểm toán UHY soát xét. Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2018 Thông qua phương án mua lại cổ phiếu quỹ Thông qua thủ việc ứng viên vị trí Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam
60	17/05/2018	- HĐQT 5/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Thảo luận và xem xét phương án phát hành 15% cổ phiếu tạm ứng cổ tức năm tài chính 2018
61	04/06/2018	- HĐQT 5/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Thảo luận và xem xét phương án mua lại cổ phiếu đã phát hành làm cổ phiếu quỹ sau khi có ý kiến bằng văn bản của UBCK nhà nước
62	10/06/2018	- HĐQT 5/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Thảo luận phương án mua cổ phiếu và phương án phát hành 15% cổ phiếu tạm ứng cổ tức năm 2018 Thảo luận phương án tạm ứng tiền mặt phục vụ đền bù GPMB Thảo luận các phương án về đầu tư xây dựng module 3 công suất 4000 m ³ /ngày đêm thuộc nhà máy XLNT KCN Khai Quang Thảo luận phương án đầu tư dự án xử lý rác thải tại KCN Khai Quang và báo cáo UBND tỉnh Vinh Phúc
63	22/06/2018	- HĐQT 5/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Thảo luận phương án mua cổ phiếu và phương án phát hành 15% cổ phiếu tạm ứng cổ tức năm 2018
64	11/07/2018	- HĐQT 4/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Thảo luận kết quả sản xuất kinh doanh quý III/2018, lũy kế 09 tháng và kế hoạch quý IV/2018, lũy kế năm tài chính 2018 Thảo luận phương án giao dịch cổ phiếu quỹ Báo cáo về đầu tư module 3 - nhà máy XLNT KCN Khai Quang Thảo luận chủ trương tham gia dự án xử lý rác thải sinh hoạt với Công ty Primer tại bãi rác tạm số 1 KCN Khai Quang Báo cáo về dự án KCN Lập Thạch 1

65	20/09/2018	- HĐQT 5/5; - Quan sát viên: Trưởng BKS	Thảo luận sơ bộ kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của KCN Khai Quang và KCN Châu Sơn Thảo luận chủ trương tham gia dự án khu đô thị Bắc cầu Hàn tại huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc
----	------------	--	---

- Thông qua các cuộc họp trên HĐQT đã ban hành các Nghị Quyết, Quyết định để Ban điều hành thực hiện như sau:

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
1	2711/17/NQ-HĐQT/IDV	27/11/2017	-Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt lần 02 năm 2017, tỷ lệ chi trả 10%/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trước ngày 10/01/2018 -Ngày chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và nhận tạm ứng cổ tức năm 2017 là ngày 27/12/2017
2	1601.1/18/NQ-HĐQT/IDV	16/01/2018	- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1/2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2/2018 - Chuyển nhượng toàn bộ 30% vốn cổ phần đã góp tại Công ty CP đầu tư và phát triển Sơn Long - Đầu tư trái phiếu Công ty CP Bông Sen
3	1601.2/18/NQ-HĐQT/IDV	16/01/2018	- Chuyển nhượng toàn bộ 30% vốn cổ phần đã góp tại Công ty CP đầu tư và phát triển Sơn Long
4	1601.3/18/NQ-HĐQT/IDV	16/01/2018	- Tham gia phiên đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
5	0202/18/NQ-HĐQT/IDV	02/02/2018	- Thông qua mức thù lao HĐQT, các tiểu ban trực thuộc HĐQT, Ban kiểm soát năm tài chính 2018
6	1903//NQ-HĐQT/IDV	19/03/2018	- Lựa chọn Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018
7	1903.01//NQ-HĐQT/IDV	19/03/2018	- Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua
8	1903.02//NQ-HĐQT/IDV	19/03/2018	- Giới thiệu, đề cử Bà Nguyễn Ngọc Lan - trưởng Ban kiểm soát tham gia ứng cử vào Ban kiểm soát Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18 nhiệm kỳ 2016-2020
9	1903.03//NQ-HĐQT/IDV	19/03/2018	- Giới thiệu, đề cử Ông Phạm Hữu Ái - Thành viên HĐQT tham gia ứng cử vào HĐQT Công ty CP Iilama 45.3 nhiệm kỳ 2016-2020
10	1903.04//NQ-HĐQT/IDV	19/03/2018	- Phân công Ông Phạm Hữu Ái - Thành viên HĐQT đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty CP Iilama 45.3 và Công ty CP DIC 4
11	0705/18/NQ-HĐQT/IDV	07/05/2018	Thông qua kết quả SXKD 06 tháng năm tài chính 2018 đã được Công ty TNHH kiểm toán UHY soát xét tại ngày 31/03/2018

12	0705.1/18/NQ-HĐQT/IDV	07/05/2018	Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2018
13	0705.2/18/NQ-HĐQT/IDV	07/05/2018	Thông qua phương án mua lại cổ phiếu
14	0705.3/18/NQ-HĐQT/IDV	07/05/2018	Thông qua thử việc ứng viên vị trí Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam
15	1705/18/NQ-HĐQT/IDV	15/05/2018	Phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức năm tài chính 2018
16	0406/18/NQ-HĐQT/IDV	04/06/2018	Thông qua phương án mua lại cổ phiếu
17	1006/18/NQ-HĐQT/IDV	10/06/2018	Thông qua phương án tạm ứng tiền mặt phục vụ đền bù GPMB KCN Khai Quang
18	2009/18/NQ-HĐQT/IDV	20/09/2018	Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc
19	2009.1/18/NQ-HĐQT/IDV	20/09/2018	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc
20	2009.2/18/NQ-HĐQT/IDV	20/09/2018	Giới thiệu nhân sự ứng cử tham gia Hội đồng quản trị Công ty CP phát triển hạ tầng Phú Thành
21	2009.3/18/NQ-HĐQT/IDV	20/09/2018	Ban hành quy chế sử dụng quỹ dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại về môi trường
22	2009.4/18/NQ-HĐQT/IDV	20/09/2018	Ban hành quy chế quản lý tài chính

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Trong năm qua 4 thành viên HĐQT độc lập đã tham gia tích cực vào các hoạt động như: tham gia các buổi họp giao ban hàng tháng tại dự án KCN Khai Quang và Châu Sơn để nắm bắt tình hình và đóng góp ý kiến về việc triển khai đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng tại 2 KCN trên; 01 thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ (BKSNB), 01 thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban nghiên cứu đầu tư (BNCĐT) hoạt động của 02 thành viên HĐQT không không gia điều hành này được thể hiện trong mục "Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị" phía dưới.

❖ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT hoạt động theo các nguyên tắc rõ ràng và cụ thể được quy định trong Quy chế hoạt động của từng tiểu ban.

***/ Ban nghiên cứu đầu tư (BNCĐT):** Năm 2018 BNCĐT thực hiện một số nhiệm vụ:

+ Khảo sát, tìm hiểu cơ hội đầu tư KCN Tam Dương, KCN Lập Thạch 2 tỉnh Vĩnh Phúc; KCN Thái Hà tỉnh Hà Nam;

+ Khảo sát và lập bài toán kinh tế tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư dự án Khu công nghiệp Lập Thạch 1 tại huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc;

+ Tìm hiểu thông tin và phân tích tài chính - kinh tế dự án BOT, Khu đô thị Bắc cầu Hàn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

***/ Ban Kiểm soát nội bộ (BKSNB):**

+ Năm 2018 BKSNB tiếp tục giám sát các công việc triển khai của Ban điều hành thông qua các báo cáo nhanh hàng tuần.

+ Thường xuyên nắm bắt, kiểm soát các hoạt động của Ban TGD trong điều hành liên quan nội bộ, giao dịch nội bộ.

- + Kiểm tra kiểm soát các báo cáo hàng tuần, tháng của công ty mẹ và con về công việc, chi thu tài chính. Góp ý sửa chữa ngay các sai sót trong báo cáo khi phát hiện.
- + Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ trong công ty và công ty con.
- + Theo dõi, đôn đốc nhắc nhở việc xử lý, thu hồi công nợ với các công ty liên doanh liên kết:
 - Thoái vốn Cty CP PT Sơn Long (đã hoàn thành), tiếp tục Thoái vốn Cty L43, DC4, Bình An.
 - Xử lý khoản cho vay Cty PT Hạ Tầng Phú Thành vay, quyết toán hợp đồng mua đất Làng Đá Bạc.
- + Đề nghị xử lý quyết toán các hợp đồng liên quan lò đốt rác, giấy phép vận hành lò đốt rác, cho thuê đất dịch vụ với cty CP Tập Đoàn Sông Hồng Thăng Long.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Ông Phạm Hữu Ái: Bằng cử nhân chính trị của Học viên Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quản trị doanh nghiệp của Đại học kinh tế quốc dân.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm Soát (BKS) hiện nay của Công ty gồm 03 người có nhiệm kỳ từ 2014 – 2018, trong đó: cả 03 thành viên không là cán bộ công nhân viên Công ty và đều là cổ đông của Công ty. Các thành viên BKS gồm:

- 1/ Bà Nguyễn Ngọc Lan – Trưởng Ban
- 2/ Ông Nguyễn Huy Tùng – Thành viên
- 3/ Ông Phan Văn Vinh – Thành viên

⬇ *Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát: xem Phụ lục 1*

⬇ *Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên BKS:*

- Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD lập cho ngày đăng ký cuối cùng 12/06/2018 (số liệu năm 2017 được lập tại ngày đăng ký cuối cùng 27/12/2017), tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên BKS như sau:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Năm 2017		Năm 2018		% Thay đổi
			SL CP	Tỷ lệ, %	SL CP	Tỷ lệ, %	
1	Nguyễn Ngọc Lan	Trưởng Ban	11.951	0,07%	11.951	0,08%	0,01%
2	Nguyễn Huy Tùng	Thành viên	36.765	0,23%	36.765	0,25%	0,02%
3	Phan Văn Vinh	Thành viên	233	0.00%	233	0.00%	0,00%
	Tổng		48.949	0,30%	48.949	0,33%	

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- BKS tham dự đầy đủ và tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp thường kỳ cũng như bất thường của HĐQT xem xét tính phù hợp các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty cũng như tham gia ý kiến về định hướng phát triển công ty trong từng thời kỳ.
- Tham gia cùng HĐQT, Ban điều hành trong việc xem xét dự án đầu tư, sửa đổi điều lệ, quy chế.
- Kiểm tra giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, đối với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- BKS giám sát các công việc triển khai của Ban điều hành hàng tuần/tháng thông qua các báo cáo nhanh hàng tuần/ tháng gửi cho BKS để có ý kiến đóng góp cho kế hoạch thực hiện (nếu thấy cần thiết).
- Tham gia giám sát việc điều chỉnh, sửa đổi Quy chế quản lý tài chính Công ty.

- Các cuộc họp của BKS trong năm 2018 như sau:

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung thông qua tại cuộc họp
1	3	1. Thảo luận về kế hoạch kinh doanh dự kiến trong năm tài chính 2018 của Ban tổng giám đốc. 2. Thảo luận về nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát trình bày tại ĐHCĐ thường niên. 3. Thảo luận về việc lựa chọn các công ty kiểm toán sẽ đưa vào "Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018" sẽ trình ĐHCĐ phê duyệt. 4. BKS thống nhất sẽ cử người tham gia vào công tác phục vụ ĐHCĐ thường niên.
2	3	1. Thảo luận ND việc thay đổi đơn vị kiểm toán năm tài chính 2018. 2. Thảo luận các nội dung về dự thảo Báo cáo tài chính kiểm toán bán niên của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY đưa ra
3	3	Thảo luận và thống nhất về nội dung các hợp đồng tồn đọng và hướng xử lý của VPID
4	3	Thảo luận và thống nhất về dự thảo Quy chế Quản lý tài chính sửa đổi

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

3.1. Lương, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban TGD:

- Việc sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát nằm trong hạn mức đã được ĐHCĐ phê duyệt năm 2018. Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được hưởng thù lao, lương, các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và theo kết quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo phù hợp Điều lệ, các quy định nội bộ của VPID về lương/đãi ngộ, các quy định hiện hành có liên quan.

- Thù lao của HĐQT, BKS và các tiểu Ban trực thuộc HĐQT:

Số TT	Thành viên HĐQT, BKS	Chức vụ	NQ HĐQT 2018 (đ/tháng)	Giá trị thù lao năm 2018 (đồng)
1	Trịnh Việt Dũng	CT HĐQT	18.000.000	216.000.000
2	Hoàng Đình Thắng	Phó CT HĐQT	14.000.000	168.000.000
3	Phạm Hữu Ái	TV HĐQT	17.000.000	204.000.000
4	Phùng Văn Quý	TV HĐQT	17.000.000	204.000.000
5	Lê Tùng Sơn	TV HĐQT	14.000.000	168.000.000
6	Nguyễn Anh Đệ	TK HĐQT	5.400.000	64.800.000
7	Nguyễn Ngọc Lan	Trưởng BKS	14.000.000	168.000.000
8	Nguyễn Huy Tùng	Thành viên BKS	5.000.000	60.000.000
9	Phan Văn Vinh	Thành viên BKS	2.000.000	24.000.000
	Tổng		106.400.000	1.276.800.000

- Lương, thù lao của Ban Tổng giám đốc được nhận năm qua theo Quy chế trả lương của Công ty do HĐQT quyết định, ngoài ra Ban TGD không có thêm bất cứ khoản lợi ích nào khác.

TT	Thành viên BDH	Chức vụ	Theo Quy chế lương (đồng/tháng)	Giá trị trả thực tế đồng/năm 2018
1	Lê Tùng Sơn	Tổng Giám đốc	37.844.534	506.596.077
2	Cao Đình Thi	Phó TGD (đã miễn nhiệm)	36.285.784	486.903.198

3	Phạm Trung Kiên	Phó TGD	30.269.944	394.667.609
4	Nguyễn Thị Hoàn	Kế toán trưởng	19.408.564	238.770.494
	Tổng		123.808.826	1.262.937.378

- Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích không thể lượng hoá bằng tiền: không có

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người liên quan đến cổ đông nội bộ:

- Tổng hợp về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, thư ký HĐQT, cổ đông lớn và những người liên quan đến cổ đông nội bộ như sau:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, cổ tức...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Vũ Hà Linh	Em gái TV BKS	30.206	0,19%	24.206	0.17%	Giảm do nhu cầu tài chính cá nhân
2	Vũ Thị Hồng Trà	Mẹ TV BKS	204.964	1,27%	195.000	1.34%	Giảm do nhu cầu tài chính cá nhân
3	Nguyễn Thị Hoàn	Kế toán trưởng	10.995	0,07%	4.695	0.03%	Giảm do nhu cầu tài chính cá nhân
4	Phùng Văn Thú	Anh trai TV HĐQT	67.757	0,42%	54.257	0,37%	Giảm do nhu cầu tài chính cá nhân
5	Văn Phụng Hà	Cổ đông lớn	1.080.521	6.81%	855.008	5,77%	Giảm do nhu cầu tài chính cá nhân
6	American LLC	Cổ đông lớn	856.421	5,31%	1.453.521	9,80%	Tăng tỷ lệ sở hữu

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Không có)

- Trong năm qua cổ đông nội bộ và những người liên quan không có giao dịch gì (hợp đồng, hoặc giao dịch khác đã được ký kết) với công ty và các công ty con.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, của các cơ quan quản lý nhà nước đối với công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, nhờ vậy đã từng bước tạo niềm tin cho các cổ đông, cho người lao động và làm tiền đề cho việc phát triển trong những năm tới.

- Thời gian công bố thông tin các Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị công ty như sau:

Thời điểm	Loại Báo cáo	Chưa soát xét	Đã soát xét/Kiểm toán
Quý 1	BCTC công ty mẹ	12/01/2018	
Quý 1	BCTC hợp nhất	12/01/2018	
Bán niên	BC quản trị công ty Bán niên	19/04/2018	
Quý 2	BCTC công ty mẹ	23/04/2018	
Quý 2	BCTC hợp nhất	23/04/2018	
Bán niên	BCTC công ty mẹ đã soát xét		07/05/2018
Bán niên	BCTC hợp nhất đã soát xét		07/05/2018
Quý 3	BCTC công ty mẹ	19/07/2018	
Quý 3	BCTC hợp nhất	07/05/2018	
Quý 4	BCTC công ty mẹ	23/10/2018	
Quý 4	BCTC hợp nhất	24/10/2018	

Cả năm	BC quản trị công ty cả năm	24/10/2018	
Cả năm	BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán		29/10/2018
Cả năm	BCTC hợp nhất đã kiểm toán		29/10/2018

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

❖ Ý kiến kiểm toán:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc tại ngày 30/09/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."

(trích Báo cáo tài chính được Kiểm toán năm 2018- UHY)

❖ Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán được đăng tải trên Website: <http://www.vpid.vn>, được công bố thông tin theo đúng quy định của Luật chứng khoán và thông tư Thông tư 155/2015/TT-BTC (đã công bố thông tin trên trang điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCK Nhà Nước) và được lưu tại trụ sở chính Công ty. *(Chi tiết tại phụ lục 2)*

Vĩnh Phúc, ngày 13. tháng 11 năm 2018

T/M. CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- HĐQT; BKS;
- website: www.vpid.vn
- Lưu VT



LÊ TÙNG SƠN

Phụ Lục 1

Lý lịch của các thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành

✦ Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT:

HĐQT có 01 thành viên tham gia Ban Tổng Giám đốc nên lý lịch 01 thành viên này được nêu tại phần lý lịch của Ban điều hành, các thành viên còn lại như sau:

Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Trịnh Việt Dũng**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 15/02/1958
Nơi sinh: Hà Nội
CMND: 012375667 Ngày cấp: 29/09/2002 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 47 Hàng Đào – Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kỹ thuật
Quá trình công tác:
+ Năm 1975 – 1980: Học tại Đại học Bách khoa Hà Nội;
+ Năm 1984 – 1987: Công tác tại Viện kỹ thuật nhiệt đới – Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
+ Năm 1988 – 1999: Làm nghiên cứu sinh tại Cộng hòa Séc;
+ Năm 1999 – Nay: Làm kinh doanh tại Cộng hòa Séc – Nguyên là Chủ tịch hội doanh nghiệp Việt Nam tại Cộng hòa Séc;
+ Tháng 6/2009 – 8/2010: giữ chức CT HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
+ Tháng 8/2010 – 10/2013: là Ủy viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
+ Từ tháng 11/2013 đến nay là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng VP
Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Hoàng Đình Thắng**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 05/01/1959
Nơi sinh: Hướng Đạo, Tam Dương, Vĩnh Phúc
CMND: 013423332 Ngày cấp: 26/05/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Phòng 2 Tầng 7 Nhà E1 KĐT Ciputra, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện hóa

Quá trình công tác:

- + 1980-1988: Giáo viên Trường Cao đẳng Hóa chất
- + 1988-1992: Cán bộ kỹ thuật, Nhà máy sứ Teplice
- + 1992-1999: Giám đốc công ty HANT
- + 1999 đến nay: Tổng giám đốc TTTM Sapa
- + 2003-2016: Chủ tịch Hội Người Việt Nam tại CH Séc
- + 2009-2014: Ủy viên Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- + 2014 đến nay: Ủy viên Đoàn chủ tịch, Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- + 12/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + 2016 đến nay : Chủ tịch Liên Hiệp các Hội người Việt Nam tại châu Âu
- + 06/2017: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Ủy viên HĐQT

Họ và tên: **Phạm Hữu Ái**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/11/1957

Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 011744150 Ngày cấp: 25/02/2009 Nơi cấp: CA Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 5/115 Núi Trúc – Ba Đình – Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện máy, cử nhân chính trị

Quá trình công tác:

- + Năm 1975 – 1981: Học đại học tại Hungary;
- + Năm 1982 – 1990: Công tác tại Tổng cục kỹ thuật – Bộ Quốc phòng;
- + Năm 1990 – 2006: Công tác tại Công ty xuất nhập khẩu y tế Hà Nội, Bộ y tế;
- + Năm 2006 – 3/2012: Giám đốc Công ty TNHH ANNA;
- + Năm 2006 – 6/2009: Thành viên BKS Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
- + Tháng 6/2009 – 08/2010: Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
- + Tháng 8/2010 – 02/2012: PCT HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
- + Tháng 03/2012 - 08/2013: Phó Tổng Giám đốc, PCT HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + Tháng 11/2013: Thành viên HĐQT kiêm trưởng Ban kiểm soát nội bộ Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay: TV HĐQT kiêm trưởng Ban kiểm soát nội bộ

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: TV HĐQT Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ủy viên HĐQT:

Họ và tên: **Phùng Văn Quý**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 01/9/1958
Nơi sinh: Hội Hợp, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
CMND: 135390168 Ngày cấp: 07/02/2006, Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 116 Quán Tiên, Hội Hợp, TP Vĩnh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- + Năm 1980 Công tác tại Viện luyện kim màu (nay là Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương);
- + Năm 1981 – 1983 Đi bộ đội;
- + Năm 1984 – 1985 Công tác tại Viện luyện kim màu (nay là Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương);
- + Năm 1986 – 2000 Học và làm việc tại Liên bang Nga (Liên Xô cũ);
- + Năm 2001 – 2003 Công tác tại Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương;
- + Năm 2003 đến tháng 8/2006: Làm việc tại Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2011: phó TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Từ 4/2011 đến 04/2016: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Từ 05/2016: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban nghiên cứu đầu tư Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

➤ Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát:

Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Lan**
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 18/10/1984
Nơi sinh: Hòa Bình
CMND: 013265231 Ngày cấp: 15/01/2010 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Tổ 17 Phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế - chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác:

- + 8/2006 - 7/2007: Công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS)
- + 8/2007 – 5/2011: Công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HSC)
- + 5/2011 – 12/2013: Công tác tại Khối chiến lược và Phát triển Ngân hàng – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
- + 1/2014 – nay: Công tác tại Phòng chiến lược - Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)
- + 3/2012 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên gia Phòng chiến lược – Ngân hàng TMCP Quân đội

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Ủy viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Huy Tùng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 21/02/1985

Nơi sinh: Hà Đông – Hà Nội

CMND: 111889502 Ngày cấp: 01/04/2002 Nơi cấp: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 1404 CT3A – khu đô thị Văn Quán – Phúc La – Hà Đông – Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

- + Năm 2006 – 2008 Công tác tại Công ty cổ phần Công nghệ Tinh Vân;
- + Năm 2008 – 2009 Công tác tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ phần mềm – ĐHQG Hà Nội;
- + Năm 2009 – 2010 Công tác tại Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Năm 2010 đến nay Công tác tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ cao Vinashin.
- + Từ tháng 11/2013 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Ủy viên Ban kiểm soát

Họ và tên **Phan Văn Vinh**
Giới tính Nam
Ngày sinh 21/04/1948
Nơi sinh Vân Hội, Tam Dương, Vĩnh Phúc
CMND 135373069 Ngày cấp: 29/03/2004, Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú Vân Hội, Tam Dương, Vĩnh Phúc
Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- + T5/1968–T10/1970: Cán bộ phòng kế hoạch thống kê đoàn địa chất 47 Con Công - Nghệ An;
- + T10/1970 – T6/1973: Làm cán bộ kế hoạch, Phòng kế hoạch thống kê đoàn địa chất 29 – Thanh Sơn, Vĩnh Phú;
- + T6/1973 – T1/1977: Học chuyên tu hệ tập trung khoa Kinh tế tài chính Trường Đại học mỏ địa chất;
- + T1/1977 – T8/1978: Làm kế toán tại phòng tài vụ đoàn C106 Cổ Nhuế – Từ Liêm, Hà Nội;
- + T8/1978 – T11/1978: Học lớp kế toán trưởng 3 tháng của tổng cục địa chất;
- + T11/1978 – T12/1978: Tổng cục địa chất đề bạt kế toán trưởng xí nghiệp;
- + T12/1978 – T1/1984: Làm kế toán trưởng đoàn C104 - Bưởi – Ba Đình – Hà Nội (có cơ sở sản xuất ở Xiêng Khoảng – Lào);
- + T1/1984 – T11/2003: Nghỉ chế độ hưu trí tại địa phương Xã Vân Hội - Tam Dương –Vĩnh Phúc
- + Năm 2003 – T10/2013: làm Kế toán trưởng tại Công ty CP Phát triển hạ Tầng Vĩnh Phúc.
- + Từ tháng 11/2013 đến nay: Thành viên ban kiểm soát

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

➤ Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng:

Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên: **Lê Tùng Sơn**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 07/03/1957
Nơi sinh: Sơn Tây, Hà Nội
CMND: 001057007980, Ngày cấp: 23/11/2016, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 463/17/6 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy công trình
Quá trình công tác:

- + Năm 1974 – 1979 Học tại Học viện kỹ thuật quân sự;
 - + Năm 1980 – 2007 Công tác tại Bộ tư lệnh công binh, Bộ Quốc phòng;
 - + Năm 2007 – 30/5/2011: là TV HĐQT kiêm P. TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
 - + Từ 01/6/2011 đến nay: là TV HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
 - + Từ 05/2016 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Phó Tổng giám đốc thường trực: Đã miễn nhiệm từ ngày 30/09/2018

- Họ và tên: **Cao Đình Thi**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/03/1959
- Nơi sinh: Thượng Trưng, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
- CMND: 011844208 Ngày cấp: 3/05/2008 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 495 Tổ 18B Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế; chứng chỉ Kế toán trưởng Học viện Tài chính; Chứng chỉ Quản lý nhà nước của Học viện Hành chính Quốc gia;
- Quá trình công tác:
- + Năm 1979 – 11-/1980: Công tác tại Viện luyện kim màu Phòng Thiết kế thiết bị cơ giới hóa (nay là Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ công thương);
 - + Tháng 12/1980-12/1983: Bộ đội, Chức vụ thiếu úy trợ lý tổ chức động viên E 871, F433 QK 3;
 - + Tháng 1/1984 - 8/1986 Phòng thiết kế cơ khí Viện nghiên cứu Mỏ - Luyện kim Bộ Công nghiệp nặng
 - + Năm 1986 – 1990: Học Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội;
 - + Năm 1991 – 2007: Công tác tại Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ công thương – Phòng Tài chính kế toán, chức vụ Phó Trưởng phòng;
 - + Năm 2007 – 8/2010: Chuyên gia, trưởng Ban quản lý dự án đầu tư các Khu CN của Tập đoàn KHKT Hồng Hải (Foxconn) Đài Loan;
 - + Tháng 9/ 2010 - 2/2012: Phó trưởng phòng Kế hoạch và Khoa học công nghệ Viện KH và Công nghệ -Mỏ Luyện kim;
 - + Năm 2003 - 2007: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cp Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
 - + Năm 2007 – 02/2012: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cp Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
 - + 03/2012 – Nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cp Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó TGD thường trực
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng giám đốc: Bổ nhiệm mới từ ngày 01/10/2018

Họ và tên: **Nguyễn Anh Đệ**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 11/08/1977
Nơi sinh: Hoàng Hoa Thám – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội
CMND: 011809881 Ngày cấp: 04/08/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 11 ngách 14 ngõ 639 Hoàng Hoa Thám – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh, cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác:
Năm 1995 – 2000: Học Đại học thương mại
Năm 2000 – 2006: Công ty liên doanh máy xây dựng Việt Nam – Uraltrac
Năm 2008 – 2016: Công ty CP thủy điện Trung Thu
Năm 2009 – 2016: Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ cao Hòa Bình
Năm 2016 – nay: Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
Chức vụ công tác hiện nay: Phó TGD – Thư ký HĐQT – Người công bố thông tin
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP thủy điện Trung Thu
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc VPID Hà Nam:

Họ và tên: **Phạm Trung Kiên**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 26/02/1978
Nơi sinh: Hội Hợp – Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc
CMND: 135602296 Ngày cấp: 27/07/2009 Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số nhà 147 đường Ngô Quyền-Phủ Lý-Hà Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
Năm 2000 – 2004: Học Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội;
Năm 2004 – 2005: Công tác tại Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
Năm 2006 – 4/2011: Giám đốc Công ty CP Xây dựng và thương mại Vĩnh Sơn;
Tháng 5/2011 – tháng 4/2017: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam;

Tháng 5/2017 – nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc VPID Hà Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Kế toán trưởng

Họ và tên **Nguyễn Thị Hoàn**
Giới tính Nữ
Ngày sinh 08/08/1983
Nơi sinh Bồ Lý, Tam Đảo, Vĩnh Phúc
CMND 135148406 Ngày cấp: 30/03/2011, Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc
Quốc tịch Việt Nam
Dân tộc Kinh
Địa chỉ thường trú Khu HC15, Phường Liên Bảo, Tp. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- + Tháng 11 năm 2005-2008: kế toán thủ quỹ Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Năm 2009: Kế toán thuế kiêm kế toán thanh toán tại Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + Năm 2010: Kế toán thuế kiêm kế toán thanh toán tại Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + Năm 2011: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc; Kế toán Ban thường trực Hội doanh nghiệp Đầu Tư Nước Ngoài tỉnh Vĩnh Phúc.
- + Năm 2012: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc; Kế toán Ban thường trực Hội doanh nghiệp Đầu Tư Nước Ngoài tỉnh Vĩnh Phúc; Giám đốc Công ty TNHH TM và DV Tùng Hải.
- + Từ 11/2013 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty CP Phát triển hạ Tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH TM và DV Tùng Hải

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có



Phụ lục 02
Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2018

❖ Công ty mẹ:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018 VND	01/10/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		342.204.629.620	305.284.946.747
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	46.070.587.908	18.269.379.161
Tiền	111		4.640.587.908	2.449.379.161
Các khoản tương đương tiền	112		41.430.000.000	15.820.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	281.297.013.258	270.395.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		5.721.055.321	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.025.822.885)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		276.601.780.822	270.395.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.583.726.149	16.396.450.216
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.266.858.294	4.449.844.891
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.232.058.370	4.079.582.795
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	7.084.809.485	8.573.595.792
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(706.573.262)
Hàng tồn kho	140	10	201.091.663	180.928.208
Hàng tồn kho	141		201.091.663	180.928.208
Tài sản ngắn hạn khác	150		52.210.642	43.189.162
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	52.210.642	43.189.162
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		201.605.733.733	221.187.277.951
Các khoản phải thu dài hạn	210		31.973.959.209	20.978.176.708
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	11.500.000.000	11.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	20.473.959.209	9.478.176.708
Tài sản cố định	220		32.599.790.703	34.141.106.896
Tài sản cố định hữu hình	221	12	32.599.790.703	34.141.106.896
- Nguyên giá	222		53.713.090.052	51.520.965.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.113.299.349)	(17.379.858.564)
Bất động sản đầu tư	230	13	19.096.938.691	27.421.684.353
- Nguyên giá	231		48.498.979.285	61.275.966.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(29.402.040.594)	(33.854.282.167)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.531.705.132	9.697.145.814
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.531.705.132	9.697.145.814
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	104.454.920.281	122.905.905.778
Đầu tư vào công ty con	251		45.000.000.000	63.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.880.000.000	23.380.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		44.646.325.560	38.128.350.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.071.405.279)	(1.602.444.222)
Tài sản dài hạn khác	260		9.948.419.717	6.043.258.402
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	9.948.419.717	6.043.258.402
TỔNG TÀI SẢN	270		543.810.363.353	526.472.224.698

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/10/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		336.127.945.568	337.126.615.248
Nợ ngắn hạn	310		30.829.125.519	29.837.518.161
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	215.736.401	125.171.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.242.573.456	2.782.827.412
Phải trả người lao động	314		1.039.565.073	979.315.538
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	-	220.869.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	11.357.782.977	11.114.805.835
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.931.592.846	1.115.948.531
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	-	310.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		291.666.169	174.662.063
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.750.208.597	13.013.918.782
Nợ dài hạn	330		305.298.820.049	307.289.097.087
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	305.298.820.049	307.289.097.087
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		207.682.417.785	189.345.609.450
Vốn chủ sở hữu	410	22	207.682.417.785	189.345.609.450
Vốn góp của chủ sở hữu	411		161.725.490.000	161.725.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		161.725.490.000	161.725.490.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		349.075.000	349.075.000
Cổ phiếu quỹ	415		(22.786.416.838)	(2.108.862.243)
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.195.295.747	7.759.886.253
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.198.973.876	21.620.020.440
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		57.198.973.876	21.620.020.440
TỔNG NGUỒN VỐN	440		543.810.363.353	526.472.224.698

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	41.934.165.118	59.520.408.783
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		41.934.165.118	59.520.408.783
Giá vốn hàng bán	11	24	13.541.486.705	17.826.488.495
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.392.678.413	41.693.920.288
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	61.514.828.456	89.267.718.614
Chi phí tài chính	22	26	236.279.991	361.486.171
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.364.000</i>	<i>72.225.000</i>
Chi phí bán hàng	25	27	151.918.584	1.055.643.505
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	7.519.950.374	8.703.814.535
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		81.999.357.920	120.840.694.691
Thu nhập khác	31	29	554.825.834	1.116.290.908
Chi phí khác	32	30	113.192.567	1.890.911.418
Lợi nhuận khác	40		441.633.267	(774.620.510)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82.440.991.187	120.066.074.181
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	5.859.822.947	4.969.592.905
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		76.581.168.240	115.096.481.276

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		82.440.991.187	120.066.074.181
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.317.257.484	7.381.932.711
Các khoản dự phòng	03		(401.808.099)	53.597.572
Lãi hoạt động đầu tư	05		(61.715.191.749)	(89.267.718.614)
Chi phí lãi vay	06		2.364.000	72.225.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.643.612.823	38.306.110.850
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.958.234.921)	(5.308.548.525)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(156.957.050)	(91.563.304)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(232.535.827)	31.858.984.943
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		349.843.320	(1.898.962.052)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(55.721.055.321)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.364.000)	(72.225.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.074.377.456)	(4.969.592.905)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.879.600.495)	(8.982.604.212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(43.031.668.927)	48.841.599.795
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.166.550.547)	(1.543.330.906)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		228.224.545	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(449.216.780.822)	(324.760.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		493.010.000.000	58.165.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.608.350.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		13.250.555.207	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		58.059.723.451	83.541.083.746
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		112.165.171.834	(189.205.597.160)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(10.071.379.160)	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(310.000.000)	(1.644.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.950.915.000)	(34.542.892.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.332.294.160)	(36.186.892.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		27.801.208.747	(176.550.889.615)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	18.269.379.161	194.820.268.776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	46.070.587.908	18.269.379.161

❖ Hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/09/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018 VND	01/10/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		504.436.708.717	467.456.695.812
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	46.512.666.741	18.380.745.461
Tiền	111		5.082.666.741	2.560.745.461
Các khoản tương đương tiền	112		41.430.000.000	15.820.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	380.897.013.258	371.220.032.436
Chứng khoán kinh doanh	121		5.721.055.321	5.721.055.321
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.025.822.885)	(307.022.885)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		376.201.780.822	365.806.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.325.849.096	18.590.401.352
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.164.204.282	4.735.650.469
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.822.680.170	4.368.738.964
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	8.338.964.644	10.192.585.181
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(706.573.262)
Hàng tồn kho	140	10	48.383.843.792	59.080.614.753
Hàng tồn kho	141		48.383.843.792	59.080.614.753
Tài sản ngắn hạn khác	150		317.335.830	184.901.810
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	52.323.729	48.715.494
Thuế GTGT được khấu trừ	152		265.012.101	130.174.056
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	6.012.260
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		254.434.654.452	257.698.967.935
Các khoản phải thu dài hạn	210		68.742.061.811	57.746.279.310
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	11.500.000.000	11.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	57.242.061.811	46.246.279.310
Tài sản cố định	220		51.562.829.404	54.778.205.179
Tài sản cố định hữu hình	221	12	51.562.829.404	54.778.205.179
- Nguyên giá	222		78.983.862.299	76.461.604.980
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.421.032.895)	(21.683.399.801)
Bất động sản đầu tư	230	13	19.096.938.691	27.421.684.353
- Nguyên giá	231		48.498.979.285	61.275.966.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(29.402.040.594)	(33.854.282.167)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.444.869.950	10.541.725.177
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.444.869.950	10.541.725.177
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	59.454.920.281	66.423.881.338
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.808.594.721	21.777.555.778
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		44.646.325.560	44.646.325.560
Tài sản dài hạn khác	260		51.133.034.315	40.787.192.578
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	51.133.034.315	40.787.192.578
TỔNG TÀI SẢN	270		758.871.363.169	725.155.663.747

11/01/2019 10:10:11 AM

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/10/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		536.691.244.708	525.091.331.124
Nợ ngắn hạn	310		48.278.665.400	50.574.450.424
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	283.371.701	206.616.800
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.296.386.244	3.713.482.383
Phải trả người lao động	314		1.181.559.003	1.100.411.948
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.501.683.105	13.667.514.584
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	17.593.064.403	16.333.669.236
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	5.439.367.403	1.215.948.531
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	-	310.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		291.666.169	174.662.063
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.691.567.372	13.852.144.879
Nợ dài hạn	330		488.412.579.308	474.516.880.700
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	488.351.503.709	474.516.880.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		61.075.599	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		222.180.118.461	200.064.332.623
Vốn chủ sở hữu	410	22	222.180.118.461	200.064.332.623
Vốn góp của chủ sở hữu	411		161.725.490.000	161.725.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		161.725.490.000	161.725.490.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		349.075.000	349.075.000
Cổ phiếu quỹ	415		(22.786.416.838)	(12.715.037.678)
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.876.952.875	8.441.543.381
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.015.017.424	42.263.261.920
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		27.438.404.022	1.374.618.212
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		43.576.613.402	40.888.643.708
TỔNG NGUỒN VỐN	440		758.871.363.169	725.155.663.747

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	74.397.622.401	109.977.086.307
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74.397.622.401	109.977.086.307
Giá vốn hàng bán	11	25	21.699.823.943	28.868.109.361
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.697.798.458	81.108.976.946
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	35.993.894.743	23.557.575.092
Chi phí tài chính	22	27	292.882.961	184.987.185
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.158.521</i>	<i>117.958.333</i>
Lãi, lỗ trong Công ty liên doanh liên kết	24		(72.288.823)	(233.089.171)
Chi phí bán hàng	25	28	1.324.684.058	1.250.500.630
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	10.355.789.328	11.467.116.520
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		76.646.048.031	91.530.858.532
Thu nhập khác	31	30	811.487.730	1.185.427.271
Chi phí khác	32	31	261.328.074	2.033.728.970
Lợi nhuận khác	40		550.159.656	(848.301.699)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		77.196.207.687	90.682.556.833
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	8.427.361.384	8.387.724.735
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	61.075.598	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		68.707.770.706	82.294.832.098
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	4.184	5.278

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		77.196.207.687	90.682.556.833
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.321.449.793	10.496.576.892
Các khoản dự phòng	03		(401.808.099)	(54.178.929)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(27.933)	-
Lãi hoạt động đầu tư	05		(34.693.157.708)	(22.456.018.744)
Chi phí lãi vay	06		5.158.521	117.958.333
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		52.427.822.261	78.786.894.385
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.403.403.404)	878.366.734
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.808.471.911	389.690.000
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.406.072.596	42.563.980.763
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.468.144.387)	(951.353.205)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.158.521)	(117.958.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.525.050.173)	(8.316.961.347)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.919.981.950)	(4.567.400.282)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.320.628.333	108.665.258.715
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.258.004.729)	(3.687.588.740)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		228.224.545	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(718.816.780.822)	(542.171.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		708.421.000.000	180.165.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.608.350.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.529.499.886	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.738.911.192	17.760.541.462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		29.842.850.072	(352.541.397.278)
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(10.071.379.160)	-
Tiền thu từ đi vay	33		800.000.000	11.200.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.110.000.000)	(11.510.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.650.205.898)	(31.756.708.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(40.031.585.058)	(32.066.708.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		28.131.893.347	(275.942.846.813)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	18.380.745.461	294.323.592.274
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		27.933	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	46.512.666.741	18.380.745.461